

令和7年度 甲賀市就学援助制度のご案内

Hướng dẫn về chế độ hỗ trợ học tập của thành phố Koka năm học Reiwa 7

甲賀市教育委員会事務局学校教育課

就学援助制度とは、甲賀市立小中学校または県立中学校に就学している児童生徒がいるご家庭に対し、就学に必要な費用の一部を援助する制度です。

Chế độ hỗ trợ học tập là chế độ hỗ trợ một phần chi phí cần thiết khi đi học đối với những gia đình có con đang theo học ở các trường Tiểu học và Trung học cơ sở trong thành phố KOKA .

◆対象世帯について **Những hộ gia đình thuộc đối tượng**

①生活保護法による扶助を受けている世帯(修学旅行費のみ)

Những hộ gia đình đang được nhận hỗ trợ từ Luật phúc lợi xã hội (Chỉ chi phí đi du lịch cuối khóa)

②経済的な理由により児童生徒の就学が困難な状況で、就学費用の支援が必要と認められる世帯

→世帯全員の所得合計額が基準額(生活保護基準の1.5倍)以下である世帯

Những hộ gia đình được xác nhận cần hỗ trợ chi phí học tập do kinh tế khó khăn, dẫn đến con gặp khó khăn trong học tập → Những hộ gia đình có tổng thu nhập của tất cả các thành viên trong gia đình dưới mức tiêu chuẩn (Gấp 1.5 lần của tiêu chuẩn phúc lợi xã hội).

(認定となる総所得金額の例) **Ví dụ về tổng thu nhập được thừa nhận**

世帯人数	世帯構成	総所得金額
2人世帯	母20代、小学生1人	約210万円
3人世帯	母40代、中学生1人、小学生1人	約290万円
4人世帯	父50代、母40代、中学生1人、小学生1人	約330万円
5人世帯	父40代、母30代、中学生1人、小学生1人、未就園児1人	約360万円

※この例はあくまで目安です。所得基準は、年齢や家族構成により細かく異なりますので、個別に審査します。

Ví dụ này chỉ là ví dụ tham khảo . Tiêu chuẩn thu nhập thì sẽ khác nhau giữa mỗi cơ cấu gia đình và độ tuổi , nên chúng tôi sẽ điều tra theo từng cá nhân .

※総所得金額とは、世帯全員の前年所得の合計額です。同世帯に祖父母がいる場合は、その方の所得も含まれます。

Tổng thu nhập là tổng thu nhập của tất cả các thành viên tổng gia đình trong năm trước .

Trường hợp có ông bà sống chung thì cũng sẽ bao gồm cả thu nhập của người đó .

◆申請について **Đăng kí**

前年度に認定された方でも、毎年申請が必要です。また、総所得金額が変わるため、継続して認定されるとは限りません。

Dù những gia đình đã được xác nhận từ năm ngoài , nhưng hàng năm cần phải đăng kí.Ngoài ra,vì thu nhập sẽ có thay đổi , nên không phải chắc chắn sẽ được chấp nhận .

1) **申請書類 Hồ sơ đăng kí**

・学校または教育委員会事務局学校教育課に次の書類を提出してください。

Phụ huynh hãy nộp những giấy tờ dưới đây đến Hội đồng giáo dục hoặc nhà trường .

【申請書類】 Hồ sơ đăng kí

●要保護・準要保護児童生徒就学援助費支給申請書

Đơn nhận chi phí hỗ trợ học tập cho trẻ em trong diện cần được hỗ trợ.

- ・兄弟姉妹がいる場合でも1世帯につき1枚で申請できます。

Cho dù có anh chị em, nhưng mỗi gia đình chỉ được đăng kí 1 tờ .

- ・両面に記載欄がありますので、記入漏れ、押印漏れが無いようにご注意ください。

Vì các cột cần điền có ở cả 2 mặt , nên phụ huynh hãy chú ý để không bị điền thiếu , đóng dấu thiếu .

●通帳のコピー Sổ ngân hàng photo

- ・金融機関名・支店名・口座番号・名義が確認できる、見開き1ページ目のコピーを付けてください。

Phụ huynh hãy photo trang có thể xác nhận được tên ngân hàng , chi nhánh , số tài khoản ngân hàng và tên chủ tài khoản .

※住まいが借家・アパート・市営県営住宅の方

Những hộ gia đình sinh sống trong nhà thuê, chung cư hay nhà của tỉnh

●家賃額がわかるもの（契約書、重要事項説明書のコピーなど）

Giấy tờ có thể xác nhận được số tiền thuê nhà (Photo hợp đồng và giấy giải thích những mục quan trọng.)

- ・家賃月額に共益費、駐車場代、自治会費等は含みません。また、住宅ローンは該当しません。

Tiền thuê nhà không bao gồm tiền phí công cộng, phí bãi đỗ xe, phí hội dân,... Ngoài ra, nhà trả góp không thuộc đối tượng .

- ・提出が困難な場合、別紙「家賃証明書」を付けてください。

Nếu phụ huynh gặp khó khăn về việc nộp giấy tờ , thì phụ huynh nộp Giấy chứng nhận thuê nhà được phát kèm theo .

- ・書類提出がない場合、家賃額は審査時に考慮されません。

Nếu không thể nộp được giấy tờ, tiền nhà sẽ không được tính trong quá trình điều tra.

2) 所得の申告と所得証明 Báo cáo thu nhập và chứng nhận thu nhập

- ・世帯の所得による審査を行いますので、世帯の中で申告を行っていない方がいる場合は、必ず申請前に前年所得の申告を税務署または市役所税務課で行ってください（所得が無い場合も申告が必要です）。

Vì sẽ điều tra thu nhập của cả gia đình, nên nếu trong gia đình có người chưa báo thu nhập , thì hãy tiến hành báo cáo thu nhập của năm trước ở sở thuế hoặc Ban thuế ở Ủy ban hành chính trước khi làm đơn đăng kí . (Những người không có thu nhập cũng cần phải báo .)

- ・令和7年1月2日以降に甲賀市へ転入した方は、令和7年1月1日時点の住民登録地の市町村が発行した所得証明が必要です。令和7年度（令和6年中の所得）の所得証明は6月以降の発行となるため、先に申請書を提出し、6月末までに令和7年度の所得証明を提出してください。

Những gia đình chuyển đến thành phố Koka từ ngày 2 tháng 1 năm Reiwa d7 , thì cần phải nộp chứng nhận thu nhập được cấp từ thành phố sinh sống ở thời điểm ngày 1 tháng 1 năm Reiwa 7.

Chứng nhận thu nhập của năm Reiwa 7 (Thu nhập của năm Reiwa 6) thì vì được cấp từ tháng 6 , nên phụ huynh hãy nộp đơn đăng kí trước, và nộp giấy chứng nhận thu nhập năm Reiwa 7 cho đến hết tháng 6 .

3) 申請書類の提出先 – Nơi nộp giấy tờ đăng kí

学校または甲賀市教育委員会事務局学校教育課へ、必要書類を揃えて提出してください。

Phụ huynh hãy chuẩn bị đầy đủ giấy tờ và nộp cho nhà trường hoặc hội đồng giáo dục thành phố KOKA .

4) 申請期間 Thời hạn đăng kí

◀申請期間：4月～5月末日▶ Từ tháng 4 đến hết tháng 5.

- ・上記の期間に申請し認定された方は、4月分から支給します。

Những người đăng kí trong thời gian trên và được xác nhận thì sẽ được hỗ trợ từ tháng 4.

- ・6月以降も随時申請は受け付けますが、受け付けした月からの支給となります。4月にさかのぼって支給することはできません。

Từ tháng 6 , chúng tôi cũng sẽ tiếp nhận đơn đăng kí , nhưng sẽ chi trả từ tháng tiếp nhận đăng kí. Sẽ không thể chi trả phần của tháng 4.

◆審査・認定について Về điều tra, xác nhận

○提出された申請書等に基づいて、教育委員会にて所得の審査・認定を行います。世帯構成や家族の年齢等により認定の基準が異なりますので、個別に審査します。

Hội đồng giáo dục sẽ kiểm tra và chứng nhận thu nhập dựa vào đơn đăng kí đã được nộp cho Hội đồng giáo dục. (Tiêu chuẩn chứng nhận sẽ khác nhau phụ thuộc vào gia đình và độ tuổi của thành viên trong gia đình, nên sẽ được kiểm tra riêng biệt.)

なお、年度ごとの審査となるため前年に認定されていた方でも今年度は認定されない場合があります。

Ngoài ra, vì sẽ điều tra hàng năm, nên cho dù những hộ gia đình năm trước thuộc đối tượng được nhận, nhưng cũng có trường hợp năm nay không thuộc đối tượng.

- 審査において、課税台帳等を閲覧します。また、学校長及びお住まいの地域の民生委員児童委員の意見を伺うことがありますのでご了承ください。

Để phục vụ cho việc điều tra, chúng tôi sẽ xem sổ ghi chép thuế. Ngoài ra, chúng tôi sẽ tham khảo ý kiến của Hội thiếu nhi, hội phúc lợi khu vực và hiệu trưởng nhà trường, nên mong phụ huynh nắm rõ.

- 年度途中で世帯構成の変更等があった場合は、再度申請、審査が必要です。学校又は教育委員会へお知らせください。

Nếu trong năm có sự thay đổi trong gia đình, thì cần phải đăng kí và tiến hành điều tra lại một lần nữa. Nên trong trường hợp đó, phụ huynh hãy thông báo cho hội đồng giáo dục hoặc nhà trường.

- 収入が著しく減少（家計急変）した世帯について、直近の収入状況などを勘案して援助の対象となる場合がありますので、学校教育課へご相談ください。

Về những hộ gia đình có thu nhập giảm đáng kể, thì phụ huynh hãy trao đổi với Ban Giáo dục trường học xem mình có đủ điều kiện để nhận hỗ trợ khi xem xét tình hình kinh tế hiện tại.

◆**審査結果の通知について Về Thông báo kết quả điều tra**

- 当初申請分の審査結果は7月初旬頃に学校へ通知するとともに申請者（保護者）へ郵送で通知します。

Kết quả điều tra của lượt đăng kí đầu thì chúng tôi sẽ gửi thông báo bằng đường bưu điện tới người đăng kí và nhà trường vào khoảng đầu tháng 7.

- 年度途中で申請された方は、随時審査し、結果を通知します。

Những người đăng kí giữa năm thì luôn được xét duyệt và sẽ gửi kết quả về.

- 認定結果通知書は、当年度末まで大切に保管してください。

Bản kết quả chứng nhận thì phụ huynh hãy giữ cho đến cuối năm đó.

◆**支給について Về chi trả**

- 原則、申請書に書かれた保護者の口座に振り込みます。

Số tiền sẽ được chuyển vào tài khoản của phụ huynh đã được ghi ở đơn đăng kí.

ただし、学校諸費等に未納がある場合などは、学校へ振り込み、学校にて調整後に学校から保護者へ支給します。

Tuy nhiên, nếu trường hợp phụ huynh không nộp tiền học phí ở nhà trường thì sẽ được chuyển cho nhà trường và sau khi nhà trường điều chỉnh xong, sẽ chi trả phần còn lại cho phụ huynh.

- 所得の変動により、認定後に認定取消となった場合、支給された就学援助費を返金していただきますので、ご了承ください。

Nếu bị xóa khỏi đối tượng được nhận do thay đổi thu nhập, thì phụ huynh sẽ phải hoàn trả lại số tiền được hỗ trợ, nên mong phụ huynh nắm rõ.

【支給時期】 Thời gian chi trả

1学期（4～7月分）	7月支給	※それぞれの支給の際に、支給金額、振込日等を郵送で通知します。
2学期（9～12月分）	12月支給	
新入学用品費（入学前）	1月支給	
3学期（1～3月分）	3月支給	

【支給費目・支給額（年額）】 Số tiền được chi trả

支給費目	学用品費	通学用品費	※1新入学用品費	修学旅行費	校外活動費	※2学校給食費	※3医療費	通学費	卒業アルバム代	
小学校	入学予定	—	—	—	—	—	—	—	—	
	1年	11,630円	57,060円	実費支給上限額 22,690円 (6年参加者のみ)	実費支給上限額 1,600円 (参加者のみ)	38,500円 (月額 3,500円× 11ヶ月)	保護者負担額 ※学校保健安全法施行令第8条による疾病の治療に限る。	実費支給 ※片道4km以上の場合	—	
	2~5年								—	
	6年								2,270円	63,000円
中学校	1年	22,730円	—	実費支給上限額 60,910円 (3年参加者のみ)	実費支給上限額 2,310円 (参加者のみ)	44,000円 (月額4,000円×11ヶ月) *一部中学校は保護者実費分	保護者負担額 ※学校保健安全法施行令第8条による疾病の治療に限る。	実費支給 ※片道6km以上の場合	—	
	2年								2,270円	—
	3年								2,270円	—

※1 小学校新入学用品費は、準要保護児童に認定された入学予定者に支給します。小学1年生の4月から支給対象となった方で入学前に支給を受けていない方には小学校入学後に支給します。中学校新入学用品費は、準要保護児童に認定された小学6年生に支給します。中学1年生の4月から支給対象となった方で小学6年生時に支給を受けていない方には中学校入学後に支給します。

Chi phí đồ dùng cho những học sinh bước vào lớp 1 thì sẽ chi trả cho những đối tượng được xác nhận là học sinh sắp vào lớp 1 cần được hỗ trợ. Những đối tượng thuộc diện được chi trả khi vào lớp 1 từ tháng 4, mà chưa nhận được hỗ trợ trước khi vào học, thì sau khi vào học sẽ được chi trả. Chi phí đồ dùng cho những học sinh bước vào cấp Trung học cơ sở thì sẽ chi trả cho những đối tượng được xác nhận là học sinh đang học lớp 6 cần được hỗ trợ. Những đối tượng thuộc diện được chi trả khi vào khi vào cấp Trung học sơ sở từ tháng 4, mà chưa nhận được hỗ trợ trước khi đang học lớp 6 Tiểu học, thì sau khi vào học cấp THCS sẽ được chi trả.

※2 学校給食費は、欠食がある場合はその分を差し引き、実際の保護者負担額のみを支給します。

Về tiền ăn ở trường, nếu học sinh không ăn, thì phần đó sẽ được trừ ra, và chi trả chỉ mỗi tiền phụ huynh đóng thực tế.

※3 医療費は、学校からの報告に基づき医療券を発行します(主に虫歯治療)。福祉医療券をお持ちの方はそちらを優先して受診してください。

Về chi phí y tế, căn cứ vào thông báo từ nhà trường, thì chúng tôi sẽ cấp thẻ y tế (Điều trị răng là chính). Những người có thẻ phúc lợi y tế, thì ưu tiên thẻ đó khi đi khám bệnh.

◎学用品費、通学用品費、新入学用品費は定額支給となるので、支給された就学援助費の用途を確認するため、後日「購入物品報告書」を提出していただきます。

Vì chúng tôi hỗ trợ số tiền mặc định cho việc mua đồ dùng học tập, phí đồ dùng phục vụ cho việc đi học, đồ cho năm học mới, nên để xác nhận được phụ huynh đã dùng số tiền hỗ trợ đó, thì mong phụ huynh nộp lại Bản báo cáo những đồ dùng đã mua.

◎要保護児童生徒に認定された方の支給費目は、修学旅行費です。

Ở mục tiền hỗ trợ cho những học sinh thuộc diện cần được hỗ trợ là Tiền đi du lịch cuối khóa.

◎上記の内容は基本内容であり対象となる費目・支給金額は対象児童生徒によって異なります。

Số tiền hỗ trợ cho các đối tượng thuộc những mục được ghi ở trên sẽ khác nhau ứng với từng đối tượng học sinh.

【問い合わせ先】 Địa chỉ liên hệ

甲賀市教育委員会事務局 学校教育課学務係 甲賀市水口町水口6053番地 甲賀市役所4階
TEL : 0748-69-2243 FAX : 0748-69-2293